

Bản án số: 3093/2024/DS-ST  
Ngày: 30/9/2024.  
V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng  
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Phước Nhiều;
- Bà Đỗ Thị Kim Nhân.

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 624/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16091/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16996/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ngân hàng S

Địa chỉ: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Lã M, sinh năm 1970 (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: kp2, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 2306/2024/UQ-TGD ngày 15/4/2024).

*- Bị đơn:* Ông VBP, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: THĐ, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo Đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, trong quá trình chuẩn bị xét xử và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lã M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/6/2019, bị đơn có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng (gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng kể từ ngày kích hoạt thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 345.378.205 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng số tiền: 340.363.455 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Đến ngày 23/02/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn vì qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ. Thời điểm này ngân hàng chuyên toàn bộ dư nợ của bị đơn còn thiếu sang nợ gốc quá hạn số tiền là: 22.295.614 đồng và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn (150% của lãi suất công bố thời điểm hiện tại là 2,77%/tháng x 150% = 4,16%/tháng lãi quá hạn).

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 30/9/2024 với tổng số tiền là: 40.364.924 đồng, trong đó nợ gốc: 22.295.614 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.069.310 đồng. Bị đơn có trách nhiệm phải trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông Lã M yêu cầu xét xử vắng mặt trong các phiên tòa.

*2. Ông VBP là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do.*

*3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự tố tụng đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành

phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ phát sinh từ quan hệ xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa tổ chức tín dụng và cá nhân có địa chỉ cư trú tại Quận 1. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Xét, quá trình chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn giao nộp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng (gọi chung là hợp đồng) đứng tên bị đơn ký ngày 10/6/2019, sao kê lịch sử giao dịch, thanh toán thẻ tín dụng số: 356480-3759 của bị đơn và các giấy tờ về nhân thân có cơ sở xác định giao dịch cấp tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2.2] Xét, kể từ ngày bị đơn được cấp thẻ tín dụng số: 356480-3759, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng và kích hoạt sử dụng giao dịch từ ngày 22/7/2019 cho đến ngày nguyên đơn chấm dứt hiệu lực sử dụng thẻ vào ngày 23/02/2023, bị đơn thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 345.378.205 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng số tiền: 340.363.455 đồng. Sau đó, bị đơn không tiếp tục thanh toán dư nợ còn lại số tiền 22.295.614 đồng theo đúng kỳ hạn đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[2.3] Xét, việc nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn, chuyển số tiền 22.295.614 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/02/2023 và áp dụng lãi suất nợ quá hạn ( $2,77\%/tháng \times 150\% = 4,16\%/tháng$ ) để tính lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 30/9/2024 với tổng số tiền: 40.364.924 đồng, trong đó nợ gốc: 22.295.614 đồng; nợ lãi quá hạn: 18.069.310 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng.

[2.4] Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 với tổng số tiền: 40.364.924 đồng, trong đó nợ gốc: 22.295.614 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.069.310 đồng. Bị đơn có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về đề nghị giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên.

[2.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024 với tổng số tiền: 40.364.924 đồng, trong đó nợ gốc: 22.295.614 đồng, nợ lãi quá hạn: 18.069.310 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn có trách nhiệm trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tính dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông VBP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S nợ gốc và lãi tổng số tiền là: 40.364.924 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông VBP thanh toán hết số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông VBP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.018.246 đồng (Hai triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 870.366 đồng (Tám trăm bảy mươi nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai thu số 0038667 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Ánh**